BẢN SAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH LONG AN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 1101404258

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 09 năm 2011

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN EARTH JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY CNMT TRÁI ĐẤT XANH

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 04HG-1, Đường dọc kênh ranh, Khu công nghiệp Xuyên Á, Ấp Tràm Lạc, Xã Mỹ Hạnh Bắc, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822(Chính)
2	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
3	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Buôn bán xăng dầu, các sản phẩm liên quan (trừ gas)	4661
5	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
6	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
7	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
9	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch, ngói, cát sỏi, đá, vật liệu xây dựng	4752
10	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

STT	Tên ngành	Mã ngành
11	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ	4530
12	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
13	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
14	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép và các kim loại khác	4662
15	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng	4329
16	Xây dựng nhà các loại	4100
17	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18	Xây dựng công trình công ích	4220
19	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
20	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán bao bì nhựa	4690
21	Tái chế phế liệu Chi tiết: Dung môi, nhớt thải, chì, nhựa, bình ắc quy, rác thải công nghiệp điện, điện tử công nghiệp.	3830
22	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933
23	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn ô tô con, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, bán buôn giường tủ, bàn ghế, đồ dùng nội thất.	4649
24	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
25	Phá dỡ	4311
26	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
27	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất, gia công khung nhà sắt, thép, xà gồ sắt, cơ khí xây dựng	2511
28	Thu gom rác thải không độc hại	3811
29	Thu gom rác thải độc hại	3812
30	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
31	Đúc sắt, thép	2431
32	Chuẩn bị mặt bằng	4312

STT	Tên ngành	Mã ngành
33	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bán buôn cao su, bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt.	4669
34	Cho thuê xe có động cơ	7710
35	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ	2930
36	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 8.000.000

5. Số cổ phần được quyền chào bán 0

6. Vốn pháp định

7. Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân;địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác);Mã số doanh nghiệp;Số Quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CP SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TÂN HUY LONG (ĐẠI DIỆN: ĐỖ HUY LỰC)	Số 435-437-439-441, Đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000.000	20.000.000.000	25	0307800161	
			Tổng số	2.000.000	20.000.000.000	25		
2	ĐỖ HUY LỰC	240 Đất Mới, Khu phố 6, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.400.000	44.000.000.000	55	024555888	
			Tổng số	4.400.000	44.000.000.000	55		

3	TRẦN VĂN TÁNH	105A2 Lê Văn Thọ, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.600.000	16.000.000.000	20	024429243	
			Tổng số	1.600.000	16.000.000.000	20		

8. Người đại diện theo pháp luật

Chức danh: *Chủ tịch HĐQT Kiêm tổng Giám đốc công ty*

Họ và tên: ĐỖ HUY LỰC Giới tính: *Nam*

Sinh ngày : *08/12/1976* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *024555888*

Ngày cấp: *08/05/2008* Nơi cấp: *Công an TP. HCM*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

240 Đất Mới, Khu phố 6, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

240 Đất Mới, Khu phố 6, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. Thông tin về chi nhánh

10. Thông tin về văn phòng đại diện

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 035705 Quyển số: 1 SCT/BS
Ngày: 26-05-2023
Văn phòng công chứng Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh
Công Chứng Viên

Nguyễn Thị Việt Anh

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thành Tao

BẢN SAO

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2022

GIẤY PHÉP XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.084.VX
(Cấp lần 5)

I. Thông tin chung về chủ xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

Tên: Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh.

Địa chỉ văn phòng: Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, Khu công nghiệp Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, Khu Công nghiệp Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Điện thoại: 0272 3758858 Fax: 0272 3758828 E-mail: traidatxanh11@gmail.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1101404258, cấp điều chỉnh ngày 07/09/2020 (cấp lần đầu ngày 28/09/2011).

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An.

II. Nội dung cấp phép:

1. Được phép thực hiện dịch vụ vận chuyển và xử lý CTNH cho các chủ nguồn thải trên địa bàn hoạt động theo Mục 1 của Phụ lục I kèm theo.
2. Được phép sử dụng, vận hành các phương tiện, thiết bị chuyên dụng theo Mục 2 của Phụ lục I kèm theo.
3. Được phép vận chuyển và xử lý các loại CTNH theo Mục 3 của Phụ lục I kèm theo.
4. Được phép thực hiện những điều chỉnh theo quy định tại các Phụ lục khác kèm theo (nếu có)

III. Điều khoản thi hành:

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký tiếp ngày 11 tháng 01 năm 2027 và thay thế Giấy phép xử lý CTNH mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.084.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 4 ngày 07 tháng 10 năm 2020.

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: ..... Quyển số ..... SCT/BS
Ngày 10 - 01 - 2023

Nơi nhận:
- Như phần I;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Long An;
- Sở TN&MT tỉnh Long An;
- Lưu: VT, TCMT, VPTN&TKQ, QLCT.

Văn phòng công chứng Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh
Công Chứng Viên
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BÌNH TÂN

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

Nguyễn Thị Việt Anh

IV. CÁC YÊU CẦU CỤ THỂ ĐỐI VỚI CHỦ XỬ LÝ CTNH

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường khác có liên quan.
2. Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với hệ thống xử lý khí thải của lò đốt chất thải công suất 2.000 kg/giờ theo quy định của pháp luật. Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, kết nối và truyền dữ liệu quan trắc khí thải tự động, liên tục đối với hệ thống xử lý khí thải của lò đốt chất thải công suất 700 kg/giờ về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An để quản lý.
3. Không được phép đốt các CTNH có chứa hợp chất halogen hữu cơ, Hg, Pb, Cd vượt ngưỡng CTNH theo quy định tại QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng CTNH.
4. Trong trường hợp tiếp nhận thêm CTNH từ các chủ xử lý CTNH khác theo hợp đồng được cơ quan cấp phép chấp thuận thì phải cân đối để đảm bảo tổng công suất xử lý không vượt quá số lượng CTNH được cấp theo Giấy phép này.
5. Các loại dầu thải, dung môi thải, dầu nhiên liệu đưa vào 02 lò đốt chất thải công nghiệp với công suất lần lượt là 2.000 kg/giờ và 700 kg/giờ phải cân đối về khối lượng để đảm bảo giới hạn nhiệt lượng theo quy định tại QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp.
6. Được phép sử dụng các hệ thống, thiết bị xử lý CTNH, phương tiện vận chuyển đã được cấp phép để thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải thông thường (chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt) có tính chất tương tự với các nhóm CTNH được cấp phép. Công ty phải cân đối số lượng chất thải đưa vào lò đốt chất thải công nghiệp và các hệ thống thiết bị khác để đảm bảo không vượt công suất của công trình, thiết bị xử lý CTNH đã được cấp phép.
7. Không được phép chôn lấp các CTNH thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm.
8. Đảm bảo lượng chất thải tiếp nhận tại một thời điểm nhất định không vượt quá công suất của khu tập kết, phân loại và kho lưu giữ CTNH hoặc thiết bị lưu chứa chất thải lỏng được ghi trong Giấy phép.
9. Khi có nhu cầu thay đổi phương án xử lý trên cơ sở các hệ thống, thiết bị chuyên dụng sơ chế, xử lý đã được cấp phép hoặc thay đổi hiện trạng các công trình, thiết bị xử lý CTNH đã được cấp phép (trừ trường hợp gặp sự cố) phải có văn bản giải trình gửi cơ quan cấp phép để xem xét theo quy định.
10. Lập nhật ký vận hành các hệ thống xử lý và sổ theo dõi số lượng, chất lượng các sản phẩm hóa rắn, tái chế hoặc thu hồi từ CTNH, lưu trữ với thời hạn ít nhất 05 năm để cơ quan nhà nước kiểm tra, giám sát. Đối với sản phẩm hóa rắn, tái chế hoặc thu hồi từ chất thải trong trường hợp đưa ra lưu hành trên thị trường thì phải thực hiện việc công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa theo quy định.
11. Chất thải phát sinh từ quá trình phá dỡ, sơ chế CTNH phải được phân định, phân loại CTNH, chất thải thông thường, phế liệu theo quy định. Chất thải thông thường, phế liệu chuyển giao

cho đơn vị có chức năng xử lý phù hợp hoặc tự xử lý tại cơ sở theo đúng quy định (chất thải chứa chì thu được từ quá trình phá dỡ ắc quy phải chuyển giao cho đơn vị có Giấy phép xử lý CTNH để xử lý).

12. Thực hiện các yêu cầu khác (nếu có) của cơ quan cấp phép trong quá trình hoạt động.

V. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ XỬ LÝ

Tên cơ sở xử lý (duy nhất): Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp - Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Trái Đất Xanh.

Địa chỉ: Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, Khu công nghiệp Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Điện thoại: 0272 3758858 Fax: 0272 3758828

VI. XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Giấy phép này xác nhận việc thực hiện một số công trình bảo vệ môi trường theo yêu cầu của Quyết định số 323/QĐ-BTNMT ngày 30/01/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án "Đầu tư bổ sung, nâng công suất cho nhà máy xử lý chất thải công nghiệp Trái Đất Xanh" tại Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, Khu Công nghiệp Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An gồm:

1. 02 hệ thống xử lý khí thải của 02 lò đốt chất thải công nghiệp (công suất thiết kế 700 kg/giờ và công suất thiết kế 2.000.kg/giờ) gồm: thiết bị giải nhiệt nước, thiết bị giải nhiệt khí, tháp hấp thụ 2 cấp, ống khói.

a. Quan trắc định kì các thông số: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi tổng, oxy dư, HCl, CO, SO_2, NO_x, Hg, Cd, Pb, tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn), tổng Hydrocacbon, dioxin/furan. Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần (riêng thông số dioxin/furan, quan trắc với tần suất 01 năm/lần). Quy chuẩn so sánh: QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (cột B).

b. Đã lắp đặt 01 trạm quan trắc khí thải tự động, liên tục tại 01 hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải công nghiệp (công suất thiết kế 700 kg/giờ) đối với các thông số: nhiệt độ, lưu lượng, Bụi (PM), CO, SO_2, NO_x, O_2, áp suất. Quy chuẩn so sánh: QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (cột B).

Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ khí thải sau xử lý của 01 hệ thống xử lý khí thải của lò đốt chất thải công nghiệp có công suất thiết kế 700kg/ngày đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại khoản 7 Điều 39 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP) trong trường hợp đáp ứng các yêu cầu tại Điều 35 và các yêu cầu khác quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

2. 02 hệ thống xử lý khí thải của hệ thống tái chế chì (công suất thiết kế 02 tấn/ngày và công suất thiết kế 03 tấn/ngày) gồm: chụp hút, túi lọc, tháp hấp thụ, ống thoát khí; Thông số quan trắc: Bụi, SO_2, NO_2, CO, CO_2, Pb. Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_p=1, K_v=1).

3. 01 hệ thống xử lý hơi dung môi của hệ thống tái chế dung môi (công suất thiết kế 01 tấn/ngày) gồm: ống hút, tháp ngưng tụ hơi nước, ống thoát khí; Thông số quan trắc: hơi axit H_2SO_4, Aceton, Xylen, Cyclohexanol. Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_p=1, K_v=1), QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

4. 01 hệ thống xử lý khí thải của hệ thống tái chế dầu thải (công suất thiết kế 02 tấn/ngày) gồm: ống hút, tháp ngưng tụ hơi nước, ống thoát khí. Thông số quan trắc: Bụi tổng, CO, SO_2, NO_x, H_2S, tổng hydrocacbon (HC). Quy chuẩn so sánh: QCVN 56:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_p=1, K_v=1) (trường hợp 02 Quy chuẩn có giá trị tối đa cho phép khác nhau đối với cùng 01 thông số thì áp dụng Quy chuẩn có giá trị tối đa cho phép nghiêm ngặt hơn).

5. 01 hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang (công suất 0,5 tấn/ngày) gồm: lọc bụi túi vải, hấp phụ hơi thủy ngân than hoạt tính biến tính, ống thoát khí. Thông số quan trắc Bụi. Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_p=1, K_v=1).

6. 01 hệ thống xử lý khí thải của hệ thống súc rửa thùng phuy (công 2 tấn/ngày) gồm: chụp hút, tháp hấp phụ than hoạt tính, ống thoát khí. Thông số quan trắc: hơi axit H_2SO_4, Aceton, Xylen, Cyclohexanol. Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (K_p=1, K_v=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

7. 01 hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại từ bo mạch linh kiện điện tử và bùn, cặn chứa kim loại (công suất 250 kg/giờ, tương đương 2 tấn/ngày) gồm: chụp hút, cyclon tách bụi, lọc bụi túi vải, tháp hấp thụ, ống khói. Thông số quan trắc: Bụi, SO_2, NO_2, CO, CO_2, HCl. HNO_3, tổng kim loại nặng. Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (K_p=1, K_v=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

8. 01 hệ thống xử lý nước thải (công suất 150 m^3/ngày) gồm: cụm xử lý hóa lý, cụm xử lý sinh học, cụm bể lắng - lọc, bể chứa nước sau xử lý. Thông số quan trắc: pH, độ màu, SS, BOD5, COD, Sunfua, Florua, Clorua, tổng Nitơ, tổng Photpho, tổng Sắt, Asen, Cadimi, Chì, Kẽm, Hg, Crom (VI), dầu mỡ khoáng, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform. Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

9. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt gồm: xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m^3/ngày để xử lý.

10. Khu vực rửa phương tiện vận chuyển chất thải.

11. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải sản xuất.

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Giấy phép xử lý CTNH có Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.084.VX cấp lần 5 ngày 11 tháng 01 năm 2022)

1. Địa bàn hoạt động được phép (quy định tại Bảng 3, Phụ lục 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT)

TT	Vùng	Tỉnh
1	Trung du và miền núi phía Bắc	"Toàn bộ vùng"
2	Đồng bằng sông Hồng	"Toàn bộ vùng"
3	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	"Toàn bộ vùng"
4	Tây Nguyên	"Toàn bộ vùng"
5	Đông Nam Bộ	"Toàn bộ vùng"
6	Đồng bằng sông Cửu Long	"Toàn bộ vùng"

2. Danh sách phương tiện, thiết bị được phép vận hành:

TT	Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng	Loại hình
I	**Nhóm hệ thống, thiết bị xử lý**		
1	Lò đốt chất thải công nghiệp, công suất 700 kg/giờ	01	Thiêu hủy
2	Lò đốt chất thải công nghiệp, công suất 2.000 kg/giờ	01	Thiêu hủy
3	Hệ thống tái chế chì thải, công suất 05 tấn/ngày (gồm 02 module 02 tấn/ngày và 03 tấn/ngày)	01	Tái chế
4	Hệ thống tái chế dung môi, công suất 01 tấn/ngày	01	Tái chế
5	Hệ thống tái chế dầu thải, công suất 02 tấn/ngày	01	Tái chế
6	Hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang thải, công suất 0.5 tấn/ngày	01	Sơ chế
7	Hệ thống súc rửa, tái chế phục hồi thùng phuy 02 tấn/ngày	01	Sơ chế
8	Hệ thống xử lý linh kiện điện, điện tử, công suất 01 tấn/ngày	01	Sơ chế
9	Hệ thống thu hồi kim loại từ bo mạch điện tử và bùn cặn chứa kim loại, công suất 02 tấn/ngày	01	Thu hồi
10	Hệ thống xử lý nước thải, công suất 150 m^3/ngày (công suất xử lý nước thải thu gom ngoài cơ sở 20 m^3/ngày)	01	Xử lý
11	Hệ thống ổn định hoá rắn, công suất 05 tấn/ngày	01	Hóa rắn
12	Hệ thống tẩy rửa kim loại, công suất 05 tấn/ngày	01	Sơ chế
II	**Nhóm phương tiện, thiết bị lưu giữ**		
1	Kho xưởng có diện tích: - Kho số 1, diện tích 1.500 m^2 (diện tích hữu dụng là 1.372 m^2, độ cao 3m, năng lực lưu giữ tối đa 4.116 m^3) - Kho số 2, diện tích 1.500 m^2 (diện tích hữu dụng là 1.372 m^2, độ cao 3m, năng lực lưu giữ tối đa 4.116 m^3)	02	Lưu giữ
2	Nhóm bao bì, thùng chứa CTNH - Thùng phuy chuyên dụng (loại 120 lít, 200 lít) - Thiết bị lưu chứa (loại 1.000 lít) - Thùng kín đựng chất thải y tế (loại 60 lít, 90 lít, 120 lít, 240 lít) - Bao chứa PP, PE (loại 5 kg, 10 kg, 20 kg, 50 kg)	Theo nhu cầu thực tế	Lưu giữ

III	**Phương tiện, thiết bị vận chuyển**		
1	*Nhóm xe tải*	25	Vận chuyển
	Xe tải Kia, BKS 54S-3449; tải trọng 4,5 tấn		
	Xe tải Mitsubishi, BKS 62C-041.03; tải trọng 5,7 tấn		
	Xe tải Mitsubishi, BKS 62C-042.30; tải trọng 5,7 tấn		
	Xe tải Fusin, BKS 62C-043.59; tải trọng 1,98 tấn		
	Xe tải Fusin, BKS 62C-044.16; tải trọng 1,185 tấn		
	Xe tải Veam, BKS 62C-045.87; tải trọng 1,35 tấn		
	Xe tải Veam, BKS 62C-046.92; tải trọng 3,3 tấn		
	Xe tải Mitsubishi, BKS 62C-049.10; tải trọng 8,85 tấn		
	Xe tải Kia, BKS 54S-0123; tải trọng 5 tấn		
	Xe tải Vinaxuka, BKS 51C-080.48; tải trọng 1,7 tấn		
	Xe tải Foton, BKS 62C-079.81; tải trọng 8,65 tấn		
	Xe tải Foton, BKS 62C-078.80; tải trọng 8,7 tấn		
	Xe tải Mitsubishi, BKS 62C-079.06; tải trọng 7,2 tấn		
	Xe tải Dongfeng, BKS 62C-079.21; tải trọng 13,55 tấn		
	Xe tải Mitsubishi , BKS 51C-679.07; tải trọng 5,4 tấn		
	Xe tải Hino, BKS 62C-058.96; tải trọng 5,0 tấn		
	Xe tải Hino, BKS 62C-100.47; tải trọng 8,1 tấn		
	Xe tải Hino, BKS 62C-100.85; tải trọng 15,4 tấn		
	Xe tải Isuzu, BKS 62C-142.80; tải trọng 15 tấn		
	Xe tải Hino, BKS 62H-005.54; tải trọng 7,65 tấn		
	Xe tải DaeWoo, BKS 62H-007.46; tải trọng 15 tấn		
	Xe tải Daewoo, BKS 62H-007.08; tải trọng 15 tấn		
	Xe tải Dongfeng, BKS 62H-008.21; tải trọng 15 tấn		
	Xe tải Thaco, BKS 62H-114.66; tải trọng 2,3 tấn		
	Xe tải Thaco, BKS 62H-008.58; tải trọng 14,3 tấn		
2	*Nhóm xe đầu kéo*	6	Vận chuyển
	Đầu kéo ChengLong, BKS 62C-079.93; tải trọng 8,9 tấn		
	Đầu kéo ChengLong, BKS 62C-079.89; tải trọng 8,9 tấn		
	Đầu kéo International, BKS 62C-092.30; tải trọng 15 tấn		
	Đầu kéo International, BKS 62C-100.45; tải trọng 37 tấn		
	Đầu kéo ChengLong 62H-007.24; tải trọng 8,8 tấn		
	Đầu kéo Daewoo 62H-006.42; tải trọng 8,8 tấn		
3	*Nhóm Sơ mi rơ mooc*	6	Vận chuyển
	Sơ mi rơ mooc CIMC, BKS 62R-003.28; tải trọng 30 tấn		
	Sơ mi rơ mooc CIMC, BKS 62R-001.46; tải trọng 30 tấn		
	Sơ mi rơ mooc CIMC, BKS 62R-003.23; tải trọng 30,84 tấn		
	Sơ mi rơ mooc CIMC, BKS 62R-003.34; tải trọng 30,52 tấn		
	Sơ mi rơ mooc CIMC, BKS 62R-007.13; tải trọng 28,6 tấn		
	Sơ mi rơ moocTMT, BKS 62R-004.66; tải trọng 30,93 tấn		
4	*Nhóm xe bồn*	1	Vận chuyển
	Xe bồn Dongfeng, BKS 62C-138.79; tải trọng 11,36 tấn		

3. Danh sách CTNH được phép vận chuyển, xử lý:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý	Mức độ xử lý
I	**Chất thải đưa vào lò đốt**		**16.200.000**			
1	Bùn thải					
	Bùn thải có chứa dầu	Bùn		01 03 01 01 03 02 01 04 01 01 04 02 01 04 03 01 04 05 07 03 09 15 02 13 17 05 02 17 05 03	Phối trộn với chất thải khác để đảm bảo nhiệt trị; tro xỉ chuyển giao	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 30: 2012/BTNMT
	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	Bùn		01 04 07 02 05 01 03 01 08 03 02 08 03 03 08 03 04 08 03 05 08 03 06 08 03 07 08 04 02 04 10 02 03 12 02 02 12 06 05 12 06 06 12 07 05 12 09 03 19 10 02		
	Bùn thải lẫn sơn, véc ni, mực in, chất kết dính	Bùn		08 01 02 08 02 02 08 03 02 17 08 05		
	Bùn thải từ quá trình xử lý đất	Bùn		11 05 02 11 05 03 12 09 02		
	Bùn hoặc nhũ tương thải từ thiết bị khử muối	Bùn/Lỏng		17 07 01		
	Bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	Bùn		05 01 03 05 02 09 05 03 06 05 04 03 05 05 03 05 07 05 06 01 05		

	Bùn thải và chất thải rắn từ quá trình tôi luyện	Bùn/Rắn		04 02 05 05 02 04 05 02 06 05 02 07 05 11 01 05 11 02 12 06 07 12 06 08		
2	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt kim loại	Bùn/Rắn/ Lỏng		07 01 04 07 01 08 07 01 10 07 03 10		
3	Các loại chất thải khác	Bùn/Lỏng		01 03 02 05 10 01 06 01 03 07 01 05 07 03 07		
4	Cặn phản ứng và các cặn đáy tháp chưng cất	Rắn/Lỏng		03 01 05 03 02 05 03 03 05 03 04 05 03 05 05 03 06 05 03 07 05		
5	Chất hấp thụ và bã lọc thải; chất thải nhiệt phân và xử lý hóa lý chất thải	Rắn		03 01 07 03 02 07 03 03 07 03 04 07 03 05 07 03 06 07 03 07 07 12 01 01 12 01 08 12 02 01	Phối trộn, thiêu hủy; tro xỉ chuyển giao	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 30: 2012/BTNMT
6	Chất thải từ quá trình tẩy mỡ nhờn	Lỏng		01 04 08 07 01 07 07 03 04 07 03 11 17 01 03 17 07 02		
7	Hóa chất, dược phẩm thải	Rắn/Lỏng		13 01 02 13 01 03 13 02 02 13 02 03 16 01 11 16 01 05 16 01 10		
8	Hoá chất bảo vệ thực vật, bảo quản gỗ thải	Rắn/Lỏng		02 11 01 09 02 01 09 02 03 09 02 04 09 02 05 14 01 01 14 01 02		

				14 01 03 14 01 04		
9	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế và cung ứng dược phẩm	Rắn		03 04 09 03 05 09		
10	Hóa chất chống đông thải	Rắn/Lỏng		15 01 08 15 02 06		
11	Các hợp chất isoxyanat thải	Rắn/Lỏng		08 04 01		
12	Các loại hóa chất thải	Rắn/Lỏng		19 05 02 19 05 03 19 05 04		
13	Xúc tác, phụ gia thải	Rắn/Lỏng		03 02 09 19 08 01 19 08 02 19 08 03 19 08 04		
14	Gỗ thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn		12 08 01 16 01 14 09 01 01		
15	Chất thải từ ngành dệt nhuộm	Bùn/Rắn/ Lỏng		10 02 01 10 02 02 10 02 04	Phối trộn, thiêu hủy; tro xỉ chuyển giao	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 30: 2012/BTNMT
16	Mực in, hộp mực in thải, sơn, chất kết dính có chứa các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng		08 01 01 08 01 03 08 02 01 08 02 03 08 02 04 08 03 01 08 03 03 15 02 09 16 01 09		
17	Bao bì thải	Rắn		14 01 05 14 01 06 18 01 01 18 01 02 18 01 03 18 01 04		
18	Than hoạt tính thải	Rắn		02 11 02 12 01 04		
19	Chất thải từ quá trình xử lý khí thải phát sinh từ cơ sở đốt	Rắn/Lỏng		04 02 03		
20	Chất thải từ quá trình xử lý khí thải phát sinh từ sản xuất vật liệu xây dựng	Rắn/Lỏng		06 01 04 06 02 01 06 03 02		
21	Chất thải từ quá trình xử lý khí thải phát sinh từ loại hình sản xuất khác	Rắn/Lỏng		07 02 01 12 01 03 12 07 06		
22	Cặn từ xử lý nước thải	Rắn		06 01 06		
23	Chất thải rắn, lỏng dễ cháy	Rắn/Lỏng		12 02 04 12 02 05		

24	Chất thải của hệ thống màng có kim loại nặng	Rắn		12 06 03		
25	Chất thải khác từ quá trình xử lý hóa lý chất thải	Rắn/Lỏng		12 02 06		
26	Các loại hắc in thải	Rắn/Bùn		01 04 06 01 05 01 05 02 05 05 07 03 11 03 01 11 03 02 12 07 02		
27	Chất thải có chứa thành phần nguy hại từ quá trình sản xuất silic, phốt pho, nitơ	Rắn/Lỏng		02 08 01 02 09 01 02 10 01 03 02 10		
28	Nhựa trao đổi ion, chất hấp phụ thải	Rắn		07 01 09 12 06 01 12 06 02 18 02 01		
29	Chất thải từ quá trình chế biến da	Rắn/Bùn		10 01 01 10 01 02		
30	Chất thải từ chăn nuôi gia súc, gia cầm	Rắn/Lỏng/ Bùn		14 02 01 14 02 02	Phối trộn, thiêu hủy; tro xỉ chuyển giao	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 30: 2012/BTNMT
31	Thủy tinh, nhựa và gỗ thải	Rắn		11 02 01		
32	Chất thải từ quá trình xử lý đất	Rắn		12 09 01		
33	Chất thải từ thiết bị tách dầu nước	Rắn		17 05 01		
34	Sản phẩm vô cơ, hữu cơ thải	Rắn/Lỏng		19 03 01 19 03 02		
35	Chất thải y tế không bao gồm chất thải phát sinh từ cơ sở khám chữa bệnh	Rắn/Lỏng		13 01 01 13 01 03 13 01 04 13 02 01 13 03 01 16 01 11		
36	Chất gắn, tách khuôn thải	Rắn/Lỏng		05 08 04 05 08 05 05 09 04 05 09 05		
37	Chất thải từ quá trình chế biến quặng sắt, quặng sunfua, thủy luyện đồng,..	Rắn/Lỏng/ Bùn		01 01 01 01 01 02 01 01 03 01 02 01 05 10 02 05 10 03		
38	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor)	Lỏng		03 01 03 03 02 03 03 03 03 03 04 03 03 05 03 03 06 03 03 07 03		

39	Dung dịch tẩy màu thải	Lỏng		19 01 05	Phối trộn, thiêu hủy; tro xỉ chuyển giao	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 30: 2012/BTNMT
40	Các loại chất thải khác có chứa các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng/ Bùn		19 07 02 19 12 01 19 12 02 19 12 03 19 12 04 19 12 05		
41	Chất thải lẫn dầu	Rắn/Lỏng		01 04 10 05 01 02 05 02 10 05 03 07 05 04 04 05 05 04 05 06 01 05 07 06 12 02 03 12 07 01 15 01 02 15 02 02 17 05 06 19 07 01	Phối trộn với chất thải, vật liệu có khả năng thấm hút; thiêu hủy; tro xỉ chuyển giao	
42	Dầu mỡ thải	Rắn/Lỏng		01 04 04 07 03 06 08 02 05 12 06 04 16 01 08 17 07 04		
43	Các loại dầu thải	Lỏng		17 03 03 17 03 04 17 03 05 17 04 01 17 04 02 17 04 03 17 05 04 17 07 03 15 01 07 15 02 05		
44	Nhiên liệu lỏng thải	Lỏng		17 06 01 17 06 02 17 06 03		
45	Dầu thải từ quá trình gia công tạo hình thải	Lỏng		07 03 02 07 03 05		
46	Dầu thủy lực thải	Lỏng		17 01 05 17 01 06 17 01 07		
47	Dầu động cơ, hộp số thải	Lỏng		17 02 02 17 02 03 17 02 04		
II	**Thùng phuy thải**	Rắn	600.000	14 01 06 18 01 02 18 01 03 18 01 04	Súc rửa; nước thải thu về hệ thống xử lý nước thải	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 40: 2011/BTNMT

						QCVN 30: 2012/BTNMT
III	**Chất thải đưa vào hệ thống chưng cất dung môi**		**300.000**			
1	Dung môi tẩy sơn	Lỏng		08 01 03 08 01 05	Chưng cất; cặn thiêu hủy	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 30: 2012/BTNMT QCVN 20: 2012/BTNMT
2	Dung môi thải khác	Lỏng		16 01 01 17 08 03 19 01 03		
IV	**Chất thải đưa vào hệ thống tái chế dầu thải**		**300.000**			
1	Dầu thải từ quá trình gia công tạo hình thải	Lỏng		07 03 02 07 03 05 15 01 07 15 02 05	Chưng cất; dầu sau tái chế một phần sử dụng làm nhiên liệu cho lò đốt; cặn thải thiêu hủy	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 40: 2011/BTNMT QCVN 30: 2012/BTNMT QCVN 56: 203/BTNMT QCVN 19: 2009/BTNMT
2	Dầu thủy lực thải	Lỏng		17 01 05 17 01 06 17 01 07		
3	Dầu động cơ, hộp số thải	Lỏng		17 02 02 17 02 03 17 02 04		
V	**Chất thải đưa vào hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang thải**	Rắn	**150.000**	16 01 06	Nghiền, hóa rắn	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 19: 2009/BTNMT
VI	**Chất thải đưa vào hệ thống tái chế chì thải**		**1.500.000**			
1	Ắc quy chì thải	Rắn		16 01 12 19 06 01 19 06 05	Phá dỡ, tái chế chì; tro xỉ chuyển giao	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 19: 2009/BTNMT
2	Chất thải từ quá trình nhiệt luyện chì	Rắn		05 03 01 05 03 03		
VII	**Chất thải đưa vào hệ thống xử lý linh kiện điện, điện tử**		**900.000**			
1	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng muối và oxit kim loại	Rắn	600.000	02 03 02 02 03 03 02 04 01 02 04 03	Phá dỡ, thu hồi phế liệu nhựa, kim loại; chất thải phát sinh thiêu hủy hoặc hóa rắn	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 19: 2009/BTNMT
2	Chất thải có hợp chất sunfua kim loại nặng	Rắn		02 06 01		
3	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử thải	Rắn		19 02 05 19 02 06		
4	Các chất oxi hóa thải	Rắn/Lỏng		19 09 02 19 09 03		
5	Chất thải có bạc từ quá trình xử lý chất thải phim ảnh	Lỏng		19 01 06		

6	Chất thải đưa vào hệ thống thu hồi kim loại từ chất thải điện tử và bùn thải chứa kim loại	Rắn	300.000	15 01 09 15 02 14 16 01 13 19 01 07 19 02 05 19 02 06	Hòa tan, gia nhiệt thu hồi kim loại	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 19: 2009/BTNMT
VIII	**Chất thải xử lý bằng hệ thống ổn định, hóa rắn**		**1.500.000**			
1	Bồ hóng, muội	Rắn		02 11 04	Phối trộn, hóa rắn	QCVN 07: 2009/BTNMT
2	Xỉ và tro đáy có chứa các thành phần nguy hại	Rắn		05 02 01 05 02 02 05 02 03 05 03 01 05 03 02 05 04 05 05 07 01 05 07 02 05 08 06 05 09 06 12 01 05 15 02 09		
3	Tro có chứa các thành phần nguy hại	Rắn		04 01 03 04 02 01 04 02 02 12 01 06 12 04 01		
4	Bụi khí thải từ lò hơi, nhiệt điện	Rắn		04 01 01 12 01 07		
5	Các vật liệu mài thải có các thành phần nguy hại	Rắn		07 03 08 07 03 10 15 02 08		
6	Vật liệu cách nhiệt, amiang thải	Rắn		02 11 03 06 03 01 11 06 01 11 06 02 11 06 03 15 01 06 15 02 10 19 11 01 19 11 02 19 11 03		
7	Bùn thải từ quá trình xử lý khí thải	Rắn/Bùn		04 02 05 05 01 03 05 02 09 05 03 06 05 04 03 05 05 03 05 07 05 05 10 01 05 11 02 06 01 03 06 01 05		

8	Bùn thải từ quá trình photphat hóa, mạ…	Bùn		07 01 04 07 01 05 07 01 08 07 03 07 07 03 09 12 02 02	Phối trộn, hóa rắn	QCVN 07: 2009/BTNMT
9	Các chất thải xây dựng và phá dỡ có chứa các thành phần nguy hại	Rắn		11 01 01 11 05 01 11 07 01 11 08 03		
10	Muối và oxit kim loại thải	Rắn		02 03 02 02 03 03 02 04 01 02 04 03 02 06 01 05 02 11 06 02 02 12 04 02 12 06 03		
11	Khuôn đúc thải	Rắn		05 08 01 05 09 01		
12	Thủy tinh thải	Rắn		06 01 01 06 01 02		
13	Xỉ, que hàn thải	Rắn		07 04 01 07 04 02		
14	Chất thải từ quá trình xử lý cơ học chất thải	Rắn		12 08 02		
15	Chất thải từ quá trình xử lý khí thải phát sinh từ luyện kim	Rắn		05 02 08 05 03 04 05 03 05 05 03 08 05 04 01 05 04 02 05 05 01 05 05 02 05 07 04 05 08 02 05 08 03 05 09 02 05 09 03		
16	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải của nhà máy sử dụng nguyên liệu từ quặng thép	Rắn	Không quá 100.000 kg/năm	05 01 01 05 01 04		
IX	**Chất thải đưa vào hệ thống tẩy rửa kim loại**		**1.500.000**			
1	Phoi từ quá trình gia công tạo hình nhiễm dầu và phế liệu kim loại nhiễm dầu	Rắn		07 03 11 11 04 01 11 04 02	Tẩy rửa, thu hồi kim loại; nước thải thu về hệ thống xử lý nước thải	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 40: 2011/BTNMT
2	Thiết bị, bộ phận kim loại dính dầu mỡ của phương tiện giao thông vận tải	Rắn		15 01 01 15 02 01 15 02 07		

3	Khuôn đúc thải	Rắn		05 08 01 05 09 01		
X	**Nhóm chất đưa vào hệ thống xử lý nước thải**		7.000.000			
1	Axit, bazơ thải	Lỏng		02 01 01 02 01 02 02 01 03 02 01 04 02 01 05 02 01 06 02 02 01 02 02 02 04 01 02 08 02 03	Trung hòa, xử lý hóa lý, sinh học; bùn thải thiêu hủy (đối với axit có hàm lượng axit cao trên 05% sẽ chưng cất, thu hồi axit)	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 40: 2011/BTNMT QCVN 30: 20112/BTNMT
2	Axit, bazơ từ quá trình tẩy rửa bề mặt thải	Lỏng		07 01 01 07 01 02 07 01 03		
3	Axit, bazơ thải từ hộ gia đình	Lỏng		16 01 02 16 01 03		
4	Dung dịch tẩy rửa thải và chất thải từ quá trình tẩy mỡ nhờn	Lỏng		07 01 06 07 01 07 16 01 10	Xử lý tại hệ thống xử lý nước thải; bùn thải thiêu hủy	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 40: 2011/BTNMT QCVN 30: 20112/BTNMT
5	Chất thải từ thiết bị tách dầu, nước	Lỏng		17 05 05		
6	Dung môi và hỗn hợp dung môi thải có lẫn nhiều nước	Lỏng		17 08 03		
7	Dung dịch thuốc hiện ảnh gốc nước và chất thải có chứa bạc	Lỏng		19 01 01 19 01 02 19 01 03 19 01 04 19 01 05 19 01 06		
8	Nước thải có các thành phần nguy hại	Lỏng		19 10 01		
9	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hóa chất vô cơ	Rắn/Lỏng		02 03 01		
10	Các chất oxi hóa thải	Rắn/Lỏng		19 09 01 19 09 02 19 09 03 19 09 04		
11	Chất thải lỏng và nước thải nhiễm thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ khác	Lỏng		03 01 01 03 02 01 03 03 01 03 04 01 03 05 01 03 06 01 03 07 01 07 02 02 07 02 03 12 01 02		

				12 05 01 12 07 03 12 07 04 15 02 11 15 02 12 19 01 08 19 10 01	Xử lý tại hệ thống xử lý nước thải; bùn thải thiêu hủy	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 40: 2011/BTNMT QCVN 30: 2012/BTNMT
12	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, sử dụng mực in	Lỏng		08 02 03		
13	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	Lỏng		07 01 06		
14	Nước thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước cấp	Lỏng		12 09 04		
15	Dung dịch chất điện phân thải	Lỏng		19 06 04		
16	Huyền phù nước thải lẫn sơn; chất bảo quản gỗ	Lỏng		08 01 04		
17	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor)	Lỏng		03 01 01 03 02 01 03 03 01 03 04 01 03 05 01 03 06 01 03 07 01		
	Tổng cộng		29.950.000			

4. Hồ sơ kèm theo Giấy phép:

Bộ Hồ sơ sau đây được Bộ Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang phụ bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy phép và Phụ lục của Giấy phép này:

Bộ hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép xử lý CTNH với dòng chữ sau trên trang phụ bìa: "Kèm theo Giấy phép xử lý CTNH có mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.084.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 5 ngày 11 tháng 01 năm 2022".

TỈNH/THÀNH PHỐ
LONG AN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ....496..... /2022/3-4-5-6.070.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH1: **CÔNG TY TNHH MTV SX TM DV XLCTNH TÙNG NGUYÊN H.S** Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.070.VX

Địa chỉ văn phòng: Đường Số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, X. Đức Hòa Hạ, H. Đức Hòa, Long An ĐT: 0272.3817234

Địa chỉ cơ sở:... Đường Số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, X. Đức Hòa Hạ, H. Đức Hòa, Long An ĐT: 0272.3817234

2. Chủ CS DV XL CTNH2: ..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:... ..... ĐT:

Địa chỉ cơ sở:... ..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **Công Ty CP Tư Vấn-Đầu Tư-Xây Dựng-Thương Mại-Sản Xuất Nhựt Thành** Mã số QLCTNH: 79.003255.T

Địa chỉ văn phòng: B9/59 Ấp 2, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Tp.HCM ĐT: 028.54292458

Địa chỉ cơ sở: Ấp 6, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh Tp.HCM ĐT: 028.54292458

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	2000	TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại chất thải có chứa thủy ngân	x			16 01 06	2	PT
3	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	-	PT
4	Các linh kiện, thiết bị điện, điện tử thải	x			16 01 13	-	PT
5	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	5	TĐ
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	x			18 01 02	-	TĐ
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	-	TĐ
8	Keo thải	x			08 03 01	-	TĐ
9	Giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	-	TĐ
10	Dầu nhớt thải		x		17 02 03	-	TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) không Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện:.....62C-03044.....

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:.....Nguyễn Tuấn Huy..... Ký:.....Ngày:.....25/03/2022.....

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

TP.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Công Ty CP TV-ĐT-XD-TM-SX Nhựt Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰT THÀNH

Ngô Minh Tuấn

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Long An, ngày 31 tháng 03 năm 2022

GIÁM ĐỐC

(Chữ ký, đóng dấu)

CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI TÙNG NGUYÊN H.S

Huỳnh Tốt

Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

Ghi chú :.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ Thành phố Hồ Chí Minh	**CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI** Số 3824../2023/1-2-3-4-5-6.084.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1:	**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH**	Mã số QLCTNH:	1-2-3-4-5-6.084.VX
Địa chỉ văn phòng :	**Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, Ấp Trảm Lạc, X. Mỹ Hạnh Bắc, H. Đức Hòa, T. Long An**	ĐT :	0272. 3758858
Địa chỉ cơ sở/đại lý:	**Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, Ấp Trảm Lạc, X. Mỹ Hạnh Bắc, H. Đức Hòa, T. Long An**	ĐT :	0272. 3758858
1. Chủ CS DV XL CTNH 2:		Mã số QLCTNH:	
Địa chỉ văn phòng:		ĐT :	
Địa chỉ cơ sở:		ĐT :	
3. Chủ nguồn thải:	**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰT THÀNH**	Mã số QLCTNH:	79.003255.T
Địa chỉ văn phòng:	Lô 32-34, Khu T, Đường N3, Khu công nghiệp An Hạ, Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	ĐT :	0977 821 821
Địa chỉ cơ sở:	Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp An Hạ – Lô số 12, Khu H, Đường D1, Khu công nghiệp An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh	ĐT :	

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			X	12 06 05		TĐ-HR
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	X			16 01 06	**10**	Nghiền,TC-HR
3	Pin, ắc quy thải	X			16 01 12		PT, Súc rửa-TC-TĐ-HR
4	Các linh kiện, thiết bị điện, điện tử thải	X			16 01 13		PT, TC - Nghiền -HR
5	Bao bì mềm thải	X			18 01 01	**5**	TĐ-HR
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	X			18 01 02		TĐ-HR/TC-TĐ-HR
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03	**10**	[illegible]/TC-TĐ-HR
8	Keo thải	X			08 03 01		TĐ-HR
9	Giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	X			18 02 01	**10**	TĐ-HR
10	Dầu nhớt thải		X		17 02 03	**30**	TĐ-HR/TC-TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu : ……	Cửa khẩu nhập……
Số hiệu phương tiện : ……	Ngày xuất cảng :……	Cửa khẩu xuất :……
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4	Số hiệu phương tiện vận chuyển: 62C- 04230	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Huy Bình	Ký: ……	Ngày: 21/11/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:……	Ký: ……	Ngày: ……

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)	8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2023 Tổng Giám Đốc *(Chữ ký, đóng dấu)* M.S.D.N: 0302311259 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰT THÀNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Nguyễn Văn Cường	Long An, ngày 21 tháng 11 năm 2023 Tổng Giám Đốc *(Chữ ký, đóng dấu)* M.S.D.N: 1101[illegible] CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH H. ĐỨC HÒA - T. LONG AN TỔNG GIÁM ĐỐC Đỗ Huy Lợi

@Liên số : 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

Ghi chú : ……(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1K23TSG

Ngày 31 tháng 05 năm 2023

Số: 00000915

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mã số thuế: 0 3 0 1 1 2 9 3 6 7

Địa chỉ: Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3829 1777 - Fax: (028) 3824 4644

Đơn vị bán hàng: **TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV**

Mã số thuế: 0 3 0 1 1 2 9 3 6 7

Địa chỉ: Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NHỰT THÀNH

Mã số thuế: 0302311259

Địa chỉ: Lô 32-34 Khu T, đường N3, KCN An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Tp. HCM

Hình thức thanh toán: **CK** Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	TIỀN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ				TIỀN THUẾ		Tổng tiền
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Thành tiền	
1	Nước sạch bán sỉ kỳ 5 năm 2023	m3	20.161	10.890	219.553.290	5%	10.977.665	230.530.955
				Cộng	219.553.290		10.977.665	230.530.955

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu năm trăm ba mươi nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng.

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 31/05/2023

*(Tra cứu hóa đơn điện tử tại: https://hddt.sawaco.com.vn , mã tra cứu: **zl8Z2638211243050726494915**)*

Đơn vị cung cấp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, MST: 0100109106

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1K23TSG

Ngày 28 tháng 04 năm 2023

Số: 00000713

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mã số thuế: 0 3 0 1 1 2 9 3 6 7

Địa chỉ: Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3829 1777 - Fax: (028) 3824 4644

Đơn vị bán hàng: **TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV**

Mã số thuế: 0 3 0 1 1 2 9 3 6 7

Địa chỉ: Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NHỰT THÀNH

Mã số thuế: 0302311259

Địa chỉ: Lô 32-34 Khu T, đường N3, KCN An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Tp. HCM

Hình thức thanh toán: **CK** Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	TIỀN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ				TIỀN THUẾ		Tổng tiền
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Thành tiền	
1	Nước sạch bán sỉ kỳ 4 năm 2023	m3	19.639	10.890	213.868.710	5%	10.693.436	224.562.146
				Cộng	213.868.710		10.693.436	224.562.146

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng.

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 28/04/2023

*(Tra cứu hóa đơn điện tử tại: https://hddt.sawaco.com.vn , mã tra cứu: **ty6T2638182678699126009713**)*

Đơn vị cung cấp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, MST: 0100109106

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1K23TSG

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Số: 00001086

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mã số thuế: 0 3 0 1 1 2 9 3 6 7

Địa chỉ: Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3829 1777 - Fax: (028) 3824 4644

Đơn vị bán hàng: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Mã số thuế: 0 3 0 1 1 2 9 3 6 7

Địa chỉ: Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NHỰT THÀNH

Mã số thuế: 0302311259

Địa chỉ: Lô 32-34 Khu T, đường N3, KCN An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Tp. HCM

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	TIỀN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ				TIỀN THUẾ		Tổng tiền
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Thành tiền	
1	Nước sạch bán sỉ kỳ 6 năm 2023	m3	19.532	10.890	212.703.480	5%	10.635.174	223.338.654
				Cộng	212.703.480		10.635.174	223.338.654

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi bốn đồng.

Người mua hàng **Người bán hàng**

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 30/06/2023

(Tra cứu hóa đơn điện tử tại: https://hddt.sawaco.com.vn , mã tra cứu: yu8Y2638237131992065038108 6)

Đơn vị cung cấp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, MST: 0100109106

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1K23TSG

Ngày 31 tháng 07 năm 2023

Số: 00001250

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mã số thuế: 0 3 0 1 1 2 9 3 6 7

Địa chỉ: Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3829 1777 - Fax: (028) 3824 4644

Đơn vị bán hàng: **TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV**

Mã số thuế: 0 3 0 1 1 2 9 3 6 7

Địa chỉ: Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NHỰT THÀNH

Mã số thuế: 0302311259

Địa chỉ: Lô 32-34 Khu T, đường N3, KCN An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Tp. HCM

Hình thức thanh toán: **CK** Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	TIỀN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ				TIỀN THUẾ		Tổng tiền
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Thành tiền	
1	Nước sạch bán sỉ kỳ 7 năm 2023	m3	18.269	10.890	198.949.410	5%	9.947.471	208.896.881
				Cộng	198.949.410		9.947.471	208.896.881

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm lẻ tám triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi mốt đồng.

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 31/07/2023

(Tra cứu hóa đơn điện tử tại: https://hddt.sawaco.com.vn , mã tra cứu: pr5P2638263901333766868125 0)

Đơn vị cung cấp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, MST: 0100109106

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1K23TSG

Ngày 31 tháng 08 năm 2023

Số: 00001489

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mã số thuế: 0 3 0 1 1 2 9 3 6 7

Địa chỉ: Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3829 1777 - Fax: (028) 3824 4644

Đơn vị bán hàng: **TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV**

Mã số thuế: 0 3 0 1 1 2 9 3 6 7

Địa chỉ: Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NHỰT THÀNH

Mã số thuế: 0302311259

Địa chỉ: Lô 32-34 Khu T, đường N3, KCN An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Tp. HCM

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	TIỀN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ				TIỀN THUẾ		Tổng tiền
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Thành tiền	
1	Nước sạch bán sỉ kỳ 8 năm 2023	m3	19.321	10.890	210.405.690	5%	10.520.285	220.925.975
				Cộng	210.405.690		10.520.285	220.925.975

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng.

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 31/08/2023

(Tra cứu hóa đơn điện tử tại: https://hddt.sawaco.com.vn , mã tra cứu: lh3L26382907055063409201489)

Đơn vị cung cấp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, MST: 0100109106

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1K23TSG

Ngày 29 tháng 09 năm 2023

Số: 00001685

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mã số thuế: **0301129367**

Địa chỉ: Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3829 1777 - Fax: (028) 3824 4644

Đơn vị bán hàng: **TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV**

Mã số thuế: **0301129367**

Địa chỉ: Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NHỰT THÀNH

Mã số thuế: 0302311259

Địa chỉ: Lô 32-34 Khu T, đường N3, KCN An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Tp. HCM

Hình thức thanh toán: **CK** Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	TIỀN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ				TIỀN THUẾ		Tổng tiền
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Thành tiền	
1	Nước sạch bán sỉ kỳ 9 năm 2023	m3	17.019	10.890	185.336.910	5%	9.266.846	194.603.756
				Cộng	185.336.910		9.266.846	194.603.756

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi sáu đồng.

Người mua hàng **Người bán hàng**

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 29/09/2023

*(Tra cứu hóa đơn điện tử tại: https://hddt.sawaco.com.vn , mã tra cứu: **sr6S2638315777319941617168 5**)*

Đơn vị cung cấp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, MST: 0100109106

EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH CHÁNH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-022**

Địa chỉ *(Address):* D15/10C Thế Lữ, ấp 4, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH CHÁNH - Số TK: 6421201545454 - Tại NH: NN & PT NT - CN BẮC TPHCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial):* **1K23TBC**

Số *(No):* **2007712**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰT THÀNH

Mã số thuế *(Tax code):* 0302311259

Địa chỉ *(Address):* LÔ 32-34, KHU T, ĐƯỜNG N3, KCN AN HẠ, XÃ PHẠM VĂN HAI, HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP HCM, VN

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE15000278040

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency):* VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2023 từ ngày 01/09/2023 đến ngày 30/09/2023	kWh	15.742	-	27.775.533
	(kèm theo bảng kê số 590119848 ngày 02 tháng 10 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**27.775 533**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**2.222.043**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**29.997.576**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai mươi chín triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực Bình Chánh
Ngày ký: 02/ 10/ 2023 17:59:59

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH CHÁNH

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0300951119-022**

Địa chỉ *(Address)*: D15/10C Thế Lữ, ấp 4, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH CHÁNH - Số TK: 6421201545454 - Tại NH: NN & PT NT - CN BẮC TPHCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: **1K23TBC**

Số *(No)*: **1798638**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰT THÀNH

Mã số thuế *(Tax code)*: 0302311259

Địa chỉ *(Address)*: LÔ 32-34, KHU T, ĐƯỜNG N3, KCN AN HẠ, XÃ PHẠM VĂN HAI, HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP HCM, VN

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE15000278040

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2023 từ ngày 01/08/2023 đến ngày 31/08/2023	kWh	15.506	-	26.682.728
	(kèm theo bảng kê số 587673108 ngày 02 tháng 09 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**26.682.728**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**2.134.618**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**28.817.346**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Hai mươi tám triệu tám trăm mười bảy nghìn ba trăm bốn mươi sáu đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực Bình Chánh
Ngày ký: 02/ 09/ 2023 14:01:16

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH CHÁNH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-022**

Địa chỉ *(Address):* D15/10C Thế Lữ, ấp 4, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH CHÁNH - Số TK: 6421201545454 - Tại NH: NN & PT NT - CN BẮC TPHCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 08 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial):* **1K23TBC**

Số *(No):* **1611722**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰT THÀNH

Mã số thuế *(Tax code):* 0302311259

Địa chỉ *(Address):* LÔ 32-34, KHU T, ĐƯỜNG N3, KCN AN HẠ, XÃ PHẠM VĂN HAI, HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP HCM, VN

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE15000278040

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):* VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2023 từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/07/2023	kWh	16.129	-	28.165.371
	(kèm theo bảng kê số 586006592 ngày 01 tháng 08 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**28.165.371**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**2.253.230**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**30.418.601**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Ba mươi triệu bốn trăm mười tám nghìn sáu trăm linh một đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực Bình Chánh
Ngày ký: 01/ 08/ 2023 15:49:13

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH CHÁNH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-022**

Địa chỉ *(Address):* D15/10C Thế Lữ, ấp 4, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH CHÁNH - Số TK: 060-1000030-008 - Tại NH: SGD NH TMCP AN BINH - PGD BINH CHANH

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial):* **1K23TBC**

Số *(No):* **1374373**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰT THÀNH

Mã số thuế *(Tax code):* 0302311259

Địa chỉ *(Address):* LÔ 32-34, KHU T, ĐƯỜNG N3, KCN AN HẠ, XÃ PHẠM VĂN HAI, HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP HCM, VN

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE15000278040

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):* VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2023 từ ngày 01/06/2023 đến ngày 30/06/2023	kWh	14.604	-	25.231.293
	(kèm theo bảng kê số 584031484 ngày 02 tháng 07 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**25.231.293**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**2.018.503**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**27.249.796**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực Bình Chánh
Ngày ký: 02/07/2023 19:08:14

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH CHÁNH

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0300951119-022**

Địa chỉ *(Address)*: D15/10C Thế Lữ, ấp 4, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH CHÁNH - Số TK: 060-1000030-008 - Tại NH: SGD NH TMCP AN BINH - PGD BINH CHANH

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: **1K23TBC**

Số *(No)*: **1139759**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰT THÀNH

Mã số thuế *(Tax code)*: 0302311259

Địa chỉ *(Address)*: LÔ 32-34, KHU T, ĐƯỜNG N3, KCN AN HẠ, XÃ PHẠM VĂN HAI, HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP HCM, VN

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE15000278040

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2023 từ ngày 01/05/2023 đến ngày 31/05/2023	kWh	12.961	-	22.669.637
	(kèm theo bảng kê số 580122885 ngày 02 tháng 06 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**22.669.637**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 10%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**2.266.964**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**24.936.601**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Hai mươi bốn triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm linh một đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực Bình Chánh
Ngày ký: 02/ 06/ 2023 08:21:54

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH CHÁNH

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0300951119-022**

Địa chỉ *(Address)*: D15/10C Thế Lữ, ấp 4, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH CHÁNH - Số TK: 060-1000030-008 - Tại NH: SGD NH TMCP AN BINH - PGD BINH CHANH

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 05 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: **1K23TBC**

Số *(No)*: **903033**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰT THÀNH

Mã số thuế *(Tax code)*: 0302311259

Địa chỉ *(Address)*: LÔ 32-34, KHU T, ĐƯỜNG N3, KCN AN HẠ, XÃ PHẠM VĂN HAI, HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP HCM, VN

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PE15000278040

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2023 từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/04/2023	kWh	13.342	-	22.997.461
	(kèm theo bảng kê số 577693352 ngày 01 tháng 05 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**22.997.461**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 10%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**2.299.746**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**25.297.207**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm linh bảy đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực Bình Chánh
Ngày ký: 01/05/2023 19:47:18

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

CÔNG TY CP TV-ĐT-XD-TM-SX NHỰT THÀNH
Lô 32-34 Khu T, đường N3, KCN An Hạ,
xã Phạm Văn Hai, H. Bình Chánh, TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 28../2023/VB-NT

V/v: Giải trình khối lượng nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung – Khu công nghiệp An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, TP.HCM

TP. HCM, ngày 10 tháng 3 năm 2023

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố;
- Chi cục Bảo vệ môi trường Thành phố.

Trước tiên, Công ty Cổ Phần Tư vấn - Đầu tư - Xây dựng - Thương mại - Sản xuất Nhựt Thành (Công ty Nhựt Thành) chân thành cảm ơn sự quan tâm và hỗ trợ của Quý Cơ quan trong thời gian qua.

Theo Biên bản làm việc về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải Công nghiệp của Chi cục Bảo vệ môi trường ngày 09 tháng 03 năm 2023, Chi cục Bảo vệ môi trường Thành phố có yêu cầu giải trình về lượng nước thải hiện nay thấp hơn so với lượng nước cấp, Công ty Nhựt Thành giải trình như sau:

1. Về hoạt động sản xuất của các Công ty tại Khu công nghiệp (KCN) An Hạ

Tại Quyết định số 549/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp An Hạ", công suất giai đoạn 1 Nhà máy Xử lý nước thải (XLNT) tập trung KCN An Hạ là 2.000 m^3/ngày.đêm.

Hiện tại, KCN An Hạ có 30 Công ty đang hoạt động, chiếm khoảng 40% diện tích đất công nghiệp của KCN An Hạ. Phần lớn các Công ty sản xuất kinh doanh trong ngành cơ khí, chế tạo máy, dược phẩm thú y, công nghệ sinh học, thực phẩm, bao bì,… nên không thâm dụng lao động, số lao động KCN khoảng 2.500 người. Do đó, lượng nước cấp, nước thải thu gom từ các Công ty về Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN An Hạ thấp hơn rất nhiều so với công suất xử lý của Nhà máy xử lý nước thải KCN An Hạ hiện nay.

2. Về lượng nước cấp cho KCN An Hạ và nước thải về Nhà máy xử lý nước thải.

a. Công tác quản lý nước cấp và nước thải tại KCN An Hạ:

- Nước cấp sử dụng tại KCN An Hạ do Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn (Sawaco) cấp qua đồng hồ tổng. KCN An Hạ phân phối nước đến các Công ty qua hệ thống cấp nước của KCN An Hạ.

- Toàn bộ nước thải của các Nhà máy trong KCN An Hạ được thu gom qua hệ thống thu gom nước thải KCN An Hạ dẫn về Nhà máy xử lý nước thải. Tại Nhà máy xử lý nước thải có đồng hồ đo lượng nước thải thu gom về Nhà máy XLNT trước khi xử lý và đồng hồ đo lượng nước thải sau khi xử lý. Bên cạnh đó, tại Nhà máy xử

lý nước thải tập trung của KCN An Hạ có trạm quan trắc tự động liên tục của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố.

b. Về khối lượng nước thải:

Trong quá trình phân phối, sử dụng phục vụ sản xuất kinh doanh, các nguyên nhân dẫn đến lượng nước thải từ các Công ty thu gom về Nhà máy xử lý nước thải thấp hơn so với lượng nước cấp như sau:

- Có sự chênh lệch giữa lượng nước cấp (mua từ Sawaco) và nước cấp đến các Công ty do hao hụt trong quá trình phân phối (khoảng 10%).

- Tiêu hao, bay hơi trong quá trình làm nguội sản phẩm của các Công ty cơ khí, chế tạo máy và các lò hơi.

- Nước vào sản phẩm của các Công ty sản xuất thực phẩm, dược phẩm thú y, công nghệ sinh học.

- Nước bay hơi trong quá trình làm mát nhà xưởng, tưới cây.

- Sử dụng nước trong quá trình xây dựng nhà máy.

- Sử dụng nước trong quá trình thi công các con đường và phun giảm bụi hàng ngày.

- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nước thải từ các nhà máy chủ yếu là nước phục vụ cho sinh hoạt của người lao động. Tuy nhiên, các Nhà máy sản xuất tại KCN An Hạ sử dụng rất ít lao động (khoảng 2.500 người), nên nước cấp chủ yếu sử dụng phục vụ cho sản xuất, do đó lượng nước thải thấp hơn lượng nước cấp rất nhiều.

Trên đây là một số nội dung giải trình của Công ty Nhựt Thành liên quan đến Biên bản làm việc ngày 09/3/2023, kính mong được sự hỗ trợ, giúp đỡ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường Thành phố.

Trân trọng kính chào!

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0302311259 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰT THÀNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Cương

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM CHẤT THẢI RẮN KHÔNG NGUY HẠI

Số:05/HĐ/NT-ĐT

V/v Vận chuyển và tiếp nhận chất thải rắn không nguy hại tới Trạm trung chuyển

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 09 năm 2023, chúng tôi đại diện hợp pháp của:

BÊN A: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐẠI THÀNH

Địa chỉ : 363/33 Đường Đất Mới, Phường Bình Trị Đông A, Q.Bình Tân, Tp.HCM

Điện thoại: 0938372568

Tài khoản: 1516886688 – Á CHÂU - ACB HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế: 0316464745

Đại diện: Ông **NGUYỄN THÀNH VỸ** Chức vụ: Giám đốc

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN- TƯ VẤN – ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG – THƯƠNG MẠI – SẢN XUẤT NHỰT THÀNH

Địa chỉ: Lô 32-34 Khu T, đường N3, KCN An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, TP.HCM

Điện thoại: 0977821821

Mã số thuế: **0302311259**

Đại diện: Ông **NGUYỄN VĂN CƯƠNG** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng với các nội dung cụ thể sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG DỊCH VỤ

Bên A nhận thu gom toàn bộ chất thải rắn không nguy hại cho bên B tại:

- Văn phòng Ban Quản lý - Khu công nghiệp An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, TP.HCM;
- Trạm xử lý nước thải - Khu công nghiệp An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, TP.HCM;

Phương tiện lưu chứa rác: Bên A tự trang bị thùng rác chuyên dụng.

Phương tiện vận chuyển rác thải không nguy hại đến trạm trung chuyển: Bên A có trách nhiệm tự trang bị phương tiện xe ép chuyên dụng đầy đủ, có chức năng thu gom và vận chuyển rác thải không nguy hại đảm bảo tiêu chuẩn và đúng với quy định của pháp luật hiện hành.

Thời gian thu gom: Mỗi ngày thu gom hết rác thải không nguy hại tại 02 địa điểm nêu trên;

ĐIỀU 3: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

- Hợp đồng có giá trị kể từ ngày 01/09/2023 đến ngày 31/8/2024;
- Hai bên thống nhất thanh toán theo khối lượng thực tế với giá thỏa thuận;

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trách nhiệm của bên A:

- Bên A có trách nhiệm thu gom và vận chuyển rác thải không nguy hại tại 02 địa điểm trên trong KCN An Hạ đến đúng nơi quy định của pháp luật, không gây ô nhiễm môi trường. Nếu Bên A thu gom và vận chuyển không đúng quy định, vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng đến Bên B thì Bên A sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và những thiệt hại mà bên A gây ra cho bên B.

- Bên A từ chối tiếp nhận rác tại 02 địa điểm trên hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu các loại rác công nghiệp có lẫn chất thải nguy hại, những chất liệu không hợp pháp hoặc gây cháy nổ trong thành phần rác bên B giao cho bên A.

Trách nhiệm của bên B:

- Bên B có quyền đổi đơn vị thu gom nếu bên A thực hiện không đúng các nội dung quy định trong hợp đồng này.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên đồng ý thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác, các bên cùng có lợi và khi một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước hạn phải thông báo cho bên kia biết trước 30 ngày. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp xảy ra các bên không tự giải quyết được thì một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

Khi hợp đồng hết hạn, nếu có nhu cầu hai bên sẽ cùng bàn bạc, thảo luận ký hợp đồng mới hoặc phụ lục hợp đồng.

Sau khi thực hiện xong hợp đồng, nếu hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nợ nhau thì hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Hợp đồng này được thành lập thành ba (02) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ một (01) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI BIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐẠI THÀNH	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰT THÀNH
NGUYỄN THÀNH VỸ	NGUYỄN VĂN CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM CHẤT THẢI RẮN KHÔNG NGUY HẠI

Số: 06 /HĐ/NT-ĐT

V/v Vận chuyển và tiếp nhận chất thải rắn không nguy hại tới Trạm trung chuyển

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 09 năm 2023, chúng tôi đại diện hợp pháp của:

BÊN A: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐẠI THÀNH

Địa chỉ : 363/33 Đường Đất Mới, Phường Bình Trị Đông A, Q.Bình Tân, Tp.HCM

Điện thoại: 0938372568 Fax: .....

Tài khoản: 1516886688 – Á CHÂU - ACB HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế: 0316464745

Đại diện: NGUYỄN THÀNH VỸ Chức vụ: Giám đốc

Và

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN- TƯ VẤN – ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG – THƯƠNG MẠI – SẢN XUẤT NHỰT THÀNH

Địa chỉ: Lô 32-34 Khu T, đường N3, KCN An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, TP.HCM

Điện thoại: 0977821821

Mã số thuế: 0302311259

Đại diện: Ông NGUYỄN VĂN CƯƠNG Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng với các nội dung cụ thể sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG DỊCH VỤ

Bên A nhận thu gom toàn bộ chất thải rắn không nguy hại cho bên B tại Khu công nghiệp An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, TP.HCM

Phương tiện lưu chứa rác: Bên A tự trang bị thùng rác chuyên dụng.

Phương tiện vận chuyển rác thải không nguy hại đến trạm trung chuyển: Bên A có trách nhiệm tự trang bị phương tiện đầy đủ, có chức năng thu gom và vận chuyển rác thải không nguy hại đảm bảo tiêu chuẩn và đúng với quy định của pháp luật hiện hành.

Thời gian thu gom: Mỗi ngày thu gom hết rác thải không nguy hại của các Doanh nghiệp tại KCN An Hạ.

ĐIỀU 3: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có giá trị kể từ ngày 01/09/2023 đến ngày 31/8/2024;

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trách nhiệm của bên A:

- Bên A có trách nhiệm liên hệ các Doanh nghiệp trong KCN An Hạ để trực tiếp ký hợp đồng thu gom và vận chuyển rác thải không nguy hại.

- Bên A có trách nhiệm thu gom và vận chuyển rác thải không nguy hại của các Doanh nghiệp trong KCN An Hạ đến đúng nơi quy định của pháp luật, không gây ô nhiễm môi trường. Nếu Bên A thu gom và vận chuyển không đúng quy định, vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng đến Bên B thì Bên A sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và những thiệt hại mà bên A gây ra cho bên B.

- Bên A từ chối tiếp nhận rác của các Doanh nghiệp trong KCN An Hạ hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu các loại rác công nghiệp có lẫn chất thải nguy hại, những chất liệu không hợp pháp hoặc gây cháy nổ trong thành phần rác bên B giao cho bên A.

- Bên A hỗ trợ kinh phí để bên B vệ sinh, duy tu cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thỏa thuận.

Trách nhiệm của bên B:

- Bên B có quyền đổi đơn vị thu gom nếu bên A thực hiện không đúng các nội dung quy định trong điều khoản hợp đồng.

- Hỗ trợ nhắc nhở các Doanh nghiệp trong Khu công nghiệp An Hạ thu gom và tập trung rác thải không nguy hại đúng nơi quy định, thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển rác thải không nguy hại.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên đồng ý thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác, các bên cùng có lợi và khi một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước hạn phải thông báo cho bên kia biết trước 30 ngày. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp xảy ra các bên không tự giải quyết được thì một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

Khi hợp đồng hết hạn, nếu có nhu cầu hai bên sẽ cùng bàn bạc, thảo luận ký hợp đồng mới hoặc phụ lục hợp đồng.

Sau khi thực hiện xong hợp đồng, nếu hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nợ nhau thì hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Hợp đồng này được thành lập thành ba (02) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ một (01) bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI BIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐẠI THÀNH	M.S.D.N: 0302311259 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰT THÀNH
NGUYỄN THÀNH VỸ	NGUYỄN VĂN CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

TP HCM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT Số: ...../2022/BBGN

1. Bên giao : Trạm XL NT TT KCN An Hạ CT nhất Thanh
Địa chỉ : B9/159 ấp 2 xã Bình Chánh Huyện Bình Chánh
Đại diện: Ông Lê Quan Hiền Chức Vụ: Nv vận hành

2. Bên nhận : CÔNG TY TNHH XD TM DV VIỆT XANH QN
Địa chỉ : 84 Dương Đức Hiền, P Tây Thạnh, Q Tân Phú, TP. HCM (08.38165638)
Tài xế .....Kiều Thanh An..... Biển số xe: 51.6.553.29

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải công nghiệp (Không chứa thành phần nguy hại)	2.760 kg	Bao
	Tổng khối lượng:		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3
Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.
Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.
Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

....., ngày 30 tháng 12 năm 2022	....., ngày 30 tháng 12 năm 2022
Bên giao	**Bên nhận**
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Lê Quan Hiền	Kiều Thanh An

CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
------oOo------

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

TP HCM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT Số: 02../2023 /BBGN

1. Bên giao : C.T.Y - C.P - T.V - D.T - X.D - S.X - thử - Thành
Địa chỉ : Lô 32 - 34 Nhà T. duy N3, KCN An Hạ, Xã Phạm Văn Hai, BC
Đại diện: Ông..... Chức Vụ:.....

2. Bên nhận : CÔNG TY TNHH XD TM DV VIỆT XANH QN
Địa chỉ : 84 Dương Đức Hiền, P Tây Thạnh, Q Tân Phú, TP. HCM (028.38165638)
Tài xế ..Kiều Thanh AN..... Biển số xe: 51C-55529...

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	**Bùn thải công nghiệp** (*Không chứa thành phần nguy hại*)	1750	
	Tổng khối lượng:	1750	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3
Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.
Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.
Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

T.P.HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2023.	*T.P.HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Bên giao	**Bên nhận**
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Lê Trần Việt	CÔNG TY TNHH XD TM DV VIỆT XANH QN 84 Dương Đức Hiền, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM MST: 0310457999 Kiều Thanh AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

TP HCM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT Số : 01 /2022/BBBG

1. Bên giao : Công ty CP-TV-DT-XD-TM-SX Nhựt Thành
Địa chỉ : lô 32-34, khu I, đường N3, KCN An Hạ, xã Phạm Văn Hai, Bình Chánh
Đại diện : Ông Lê Quan Hiền Chức Vụ : NV kỹ thuật

2. Bên nhận : CÔNG TY TNHH XD TM DV VIỆT XANH QN
Địa chỉ : 84 Dương Đức Hiền, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. HCM (08.38165638)
Tài xế : Kiều Thanh AN Biển số xe : 51C 55329

3. Khối lượng : CTRSH, CTRCNTT chuyển giao.

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải công nghiệp *(Không chứa thành phần nguy hại)*	2610 Kg	
	Tổng khối lượng :	2610 Kg	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3.
Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.
Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.
Bên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

TP HCM, *ngày 29 tháng 12 năm 2022*	....., *ngày ..... tháng ..... năm 2022*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Lê Quan Hiền	Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Kiều Thanh AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

(Số: 0404A../2023/HĐXLCT-TĐX.AD)

- *Căn cứ Luật bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020;*
- *Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- *Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- *Căn cứ Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.084.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường Cấp lần 5 ngày 11/01/2022;*
- *Căn cứ Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. HCM cấp ngày 10/08/2012 cho Công Ty Cổ Phần Tư Vấn - Đầu Tư - Xây Dựng - Thương Mại Sản Xuất Nhựt Thành - mã số QLCTNH: 79.003255.T*
- *Căn cứ vào nhu cầu của hai bên;*

Hôm nay, ngày 04 tháng 07 năm 2023, tại Văn phòng Đại Diện Công ty CP Công Nghệ Môi Trường Trái Đất Xanh, chúng tôi gồm:

BÊN A : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰT THÀNH**

Địa chỉ : Lô 32-34, Khu T, Đường N3, Khu công nghiệp An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : 0977. 821821

Mã số thuế : 0302311259

Đại diện : **Ông NGUYỄN VĂN CƯƠNG** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

BÊN B : **CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH**

Địa chỉ : Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, Ấp Tràm Lạc, Xã Mỹ Hạnh Bắc, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

Địa chỉ gửi thư: B3/21, QL1A, Ấp 2, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 0272. 3758858 – 0942 95 533

Mã số thuế : 11 01 40 42 58

Tài khoản số : 0002 1000 1133 0004 Tại Ngân Hàng TMCP Phương Đông (OCB) - Chi Nhánh Phú Lâm

Đại diện : **Ông ĐỖ HUY LỰC** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Hai Bên đã thảo luận và nhất trí ký Hợp đồng cung ứng dịch vụ về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (sau đây được gọi là "Hợp đồng") với các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG.

Theo yêu cầu của Bên A, Bên B đồng ý đảm nhiệm việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) mà Bên B được phép vận chuyển trong Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.084.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường Cấp lần 5 ngày 11/01/2022.

1.1. Thời gian, địa điểm thu gom và xử lý chất thải nguy hại:

- Tần suất vận chuyển: 01 lần/ năm.
- Bên A thông báo cho Bên B bằng văn bản hoặc email về thời gian thu gom trước ít nhất 02 ngày làm việc qua thông tin:
  + (Ms) Mỹ Chi: 0945 205 533
  + E-mail: mychi@moitruonganhduong.vn
- Thời gian cụ thể sẽ được Bên B thông báo lại cho Bên A sau khi Bên B sắp xếp được thời gian nhưng không quá 48 (Bốn mươi tám) giờ.
- Thời hạn hợp đồng: **kể từ ngày 04/07/2023 đến hết ngày 03/07/2024.**
- Địa điểm thu gom chất thải nguy hại: Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp An Hạ – Lô số 12, Khu H, Đường D1, Khu công nghiệp An Hạ, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh.

1.2. Phương tiện vận chuyển và địa điểm xử lý:

- Theo Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.084.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường Cấp lần 5 ngày 11/01/2022;
- Địa điểm xử lý: Công Ty CP Công Nghệ Môi Trường Trái Đất Xanh - Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, Ấp Tràm Lạc, Xã Mỹ Hạnh Bắc, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

ĐIỀU 2. ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

2.1. Đơn giá hợp đồng khoán:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
01	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại	VNĐ	7.000.000	7.000.000
02	Thuế VAT	8%		560.000
03	Tổng cộng			7.560.000

Bằng chữ: Bảy triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng.

- Giá trị Hợp đồng đang áp dụng thuế suất giá trị gia tăng hiện hành là 8%. Trong trường hợp thuế suất giá trị gia tăng thay đổi theo quy định của Chính phủ thì giá trị Hợp đồng sẽ điều chỉnh theo thuế suất tương ứng theo quy định.
- Đơn giá khoán nêu trên áp dụng cho việc thu gom 01 lần/ năm.
- Nếu tổng khối lượng chất thải bàn giao trong 1 năm (01 lần) ≤ 200 Kg thì sẽ được vận chuyển và xử lý 01 lần với giá khoán như trên.
- Trường hợp phát sinh: Nếu khối lượng chất thải bàn giao >200 Kg, thì chi phí xử lý chất thải phát sinh thêm được tính theo đơn giá cụ thể như Bảng 01 (Danh sách các loại CTNH cần xử lý và đơn giá).

Chi phí xử lý chất thải phát sinh = Khối lượng phát sinh (theo mã) × đơn giá.

- Chi phí vận chuyển phát sinh từ chuyến thứ 02 (hai) trở đi (nếu có): 3.500.000VNĐ/chuyến (Ba triệu năm trăm ngàn Việt Nam đồng trên một chuyến vận chuyển) (chưa bao gồm VAT 8%).

Bảng 01: Danh sách các loại CTNH cần xử lý và đơn giá xử lý phát sinh (nếu có)

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại Rắn/Lỏng/ Bùn	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ/ Kg)	Điều kiện lưu chứa
01	Bùn từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	Kg	10.000	Bao PE
02	Bóng đèn huỳnh quang và các loại chất thải có chứa thủy ngân	Rắn	16 01 06	Kg	10.000	Thùng carton
03	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	Kg	10.000	Bao PE
04	Các linh kiện, thiết bị điện, điện tử thải	Rắn	16 01 13	Kg	10.000	Bao PE
05	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	Kg	10.000	Bao PE
06	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	Rắn	18 01 02	Kg	10.000	Bao PE/ Xếp gọn
07	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	Kg	10.000	Bao PE/ Xếp gọn
08	Keo thải	Rắn	08 03 01	Kg	10.000	Bao PE
09	Giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg	10.000	Thùng phuy
10	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 03	Kg	10.000	Thùng phuy/ Can đựng

Ghi chú:

- *Đơn giá xử lý trên chưa bao gồm 8% thuế VAT.*
- *Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.*
- *Đơn giá trên sẽ thay đổi khi có quy định mới liên quan của các cơ quan chính quyền hoặc có sự thoả thuận bằng văn bản trên cơ sở pháp lý giữa hai Bên.*

- *Điều kiện lưu chứa nêu trên để bàn giao khi vận chuyển, chủ nguồn thải cần trang bị kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa theo đúng quy định pháp luật trong thời gian lưu trữ CTNH.*
- *Danh mục chất thải trên cũng là danh mục chất thải Bên B vận chuyển và xử lý cho Bên A.*

2.2. Phương thức nghiệm thu, thanh toán:

Thông tin viết hóa đơn:

+ Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰT THÀNH
+ Địa chỉ xuất hóa đơn: Lô 32-34, Khu T, Đường N3, Khu công nghiệp An Hạ, Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
+ Mã số thuế: 0302311259

Bên A thanh toán 100% giá trị khoán của hợp đồng và thuế giá trị gia tăng VAT (8%) với số tiền **7.560.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng)** trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và Bên A nhận được hồ sơ thanh toán từ Bên B.

Hồ sơ đề nghị thanh toán bao gồm:

+ Giấy đề nghị thanh toán;
+ Hóa đơn tài chính hợp lệ;
+ Hợp đồng đã được ký kết giữa 02 bên;
+ Giấy chứng nhận ĐKDN (bản sao y còn hiệu lực);
+ Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại (bản sao y còn hiệu lực).

Sau mỗi đợt chuyển giao CTNH, hai bên sẽ lập biên bản giao nhận, xác nhận khối lượng đã chuyển giao. Trên cơ sở đó, nếu có chi phí phát sinh, Bên B gởi giấy đề nghị thanh toán và Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ khi nhận được đề nghị thanh toán từ Bên B.

Chi phí xử lý phát sinh sẽ được thanh toán ngay sau khi khối lượng chất thải bàn giao > 200 Kg.

Chi phí vận chuyển phát sinh sẽ được tính ngay sau khi số lần vận chuyển lớn hơn 01 (một) chuyến trong suốt quá trình hợp đồng.

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản: **CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH - 0002 1000 1133 0004 Tại Ngân Hàng TMCP Phương Đông (OCB) - Chi Nhánh Phú Lâm.**

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Trách nhiệm của Bên A:

3.1.1 Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại hoặc các hồ sơ liên quan hợp lệ đã đăng ký với các cơ quan chức năng khi thực hiện xong. Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính pháp lý của các hồ sơ đã nói trên.

3.1.2 Theo Quy định về trách nhiệm của chủ nguồn thải tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT: khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu của Bên A. Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của Bên B.

3.1.3 Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về các loại CTNH giao cho Bên B để xử lý. CTNH này phải đúng với tên gọi và mã CTNH đã nêu ở Mục 2.1.

3.1.4 Bên A có trách nhiệm bố trí phương tiện và thiết bị để xếp các thùng chất thải nguy hại lên phương tiện của Bên B tại địa điểm thu gom.

3.1.5 Chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên B đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

3.1.6 Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.

3.1.7 Toàn bộ chất thải của Bên A phải được thu gom, phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và có nhãn chất thải: chất thải rắn chứa vào bao PE, chất thải lỏng chứa vào thùng có nắp đậy kín và lưu trữ tại một khu vực riêng biệt, cố định đảm không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH và không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục hợp đồng để thuận tiện khi Bên B đến thu gom chất thải. Nơi lưu giữ CTNH phải thuận tiện cho xe ra vào lấy.

3.2. Trách nhiệm của Bên B:

3.2.1 Bên B tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

3.2.2 Vận chuyển, xử lý CTNH cho Bên A theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong nội dung hợp đồng.

3.2.3 Trong vòng tối đa 04 (bốn) tuần sau khi nhận chất thải và chứng từ xử lý Bên A đã ký trước phải giao trả cho Bên A chứng từ CTNH đã xử lý.

3.2.4 Trong trường hợp xe hư hỏng Bên B sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất (48 giờ).

3.2.5 Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.

3.2.6 Bên B không nhận xử lý và không chịu trách nhiệm khi Bên A giao các loại CTNH không có Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.084.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường Cấp lần 5 ngày 11/01/2022.

3.2.6 Trong quá trình thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, Bên B phải tuyệt đối tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật.

3.2.8 Cán bộ, nhân viên của Bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của Bên A phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên A để đảm bảo trật tự an toàn cho nơi làm việc của Bên A; nhân viên của Bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện Bên A về việc đi lại, vị trí thu gom chất thải.

3.2.9 Tất cả các xe vận chuyển chất thải của Bên B phải là xe chuyên dụng để tránh rơi vãi chất độc hại ra môi trường trong quá trình vận chuyển.

ĐIỀU 4. BẤT KHẢ KHÁNG

4.1. Bất khả kháng là bất kỳ sự kiện hay hoàn cảnh nào hoặc tập hợp của các sự kiện, hoàn cảnh nào vượt ra ngoài sự kiểm soát của các Bên làm cho Bên đó không thể thực hiện một phần hay toàn bộ trách nhiệm của mình theo Hợp đồng, bao gồm nhưng không hạn chế ở: thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự thay đổi của luật pháp, thay đổi chính sách và các quy định khác có tính chất tương tự của Nhà nước liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Hợp đồng. Những khó khăn về sản xuất như mất điện, thiếu nguyên liệu, thiếu lao động, bãi công... không được xem là Bất khả kháng và không giải phóng các Bên khỏi trách nhiệm thực hiện Hợp đồng hay là lý do chính đáng để các Bên trì hoãn hoặc kéo dài việc thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

4.2. Bên gặp phải Bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia biết trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày. Nếu quá thời hạn trên mà không có thông báo thì sẽ không được chấp nhận là Bất khả kháng và bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng sẽ mất quyền miễn trách về Bất khả kháng. Nếu Bên nào bị ảnh hưởng của Bất khả kháng thì nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng của Bên đó sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra Bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả Bất khả kháng. Bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng có trách nhiệm sử dụng những nỗ lực hợp lý để khắc phục ảnh hưởng của Bất khả kháng hoặc làm giảm nhẹ hậu quả của ảnh hưởng đó trong thời gian sớm nhất có thể.

4.3. Xác nhận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là bằng chứng pháp lý xác nhận sự kiện và khoảng thời gian kéo dài của sự kiện Bất khả kháng.

ĐIỀU 5. THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

5.1. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản như đã thỏa thuận trong Hợp đồng, không được đơn phương thay đổi hay hủy bỏ Hợp đồng (trừ trường hợp pháp luật quy định). Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây, không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng mà không có lý do chính đáng, sẽ bị phạt với mức phạt cụ thể dựa trên khung phạt Nhà nước quy định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng.

5.2. Mọi tranh chấp xảy ra nếu không cùng nhau thương lượng giải quyết được sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân Tỉnh Long An phân xử, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án là quyết định cuối cùng để hai Bên cùng tuân thủ. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí toà án do Bên có lỗi chịu.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

6.1. Hai Bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp gặp khó khăn trở ngại, hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi để đi tới thống nhất bằng văn bản và văn bản này được coi là một điều khoản của hợp đồng. Mọi sửa đổi hoặc bổ sung hợp đồng chỉ có giá trị khi được lập bằng văn bản và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai Bên.

6.2. Các Bên có quyền chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. Trong trường hợp một trong hai Bên muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày, trong đó nêu ra lý do.

6.3. Khi hiệu lực của Hợp đồng kết thúc và khi các Bên đã thực hiện đầy đủ các cam kết như đã thoả thuận thì Hợp đồng coi như đã được thanh lý.

6.4. Những gì không được quy định trong Hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

6.5. Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản và có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 03 (ba) bản để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC	TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰT THÀNH	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH
NGUYỄN VĂN CƯƠNG	ĐỖ HUY LỰC